

Bản án số: 163/2024/DS-ST

Ngày 24-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sen.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 “Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: số B L, Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài P – Trưởng Phòng khách hàng Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V “có mặt”.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 9 năm 2024).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm: 1966 “có mặt”.

Địa chỉ: ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Hoàng L, sinh năm: 1966 “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Vào ngày 21/9/2020 Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119 với bà Trần Thị M. Theo hợp đồng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V cho bà Trần Thị M vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 10,5%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà M nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà Trần Thị M1 Phạm Hoàng L1 nguyện giao cho Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) số E 0629096 có diện tích 26658² (loại đất: 1L, LnK. Hg/bthừa số 261, 270, 331, 338, 365 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ Phạm Văn A ngày 20/4/1996

Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V đã giải ngân cho bà Trần Thị M2 số tiền vay là 200.000.000. Sau đó bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tính đến hết ngày 24/9/2024, bà M còn nợ ngân hàng N tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 115.931.507 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 315.931.507 đồng. Do số tiền vay của Ngân hàng là nợ chung của bà M và chồng bà M là ông Phạm Hoàng L, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M và ông L cùng liên đới có nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L cùng liên đới có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi đến ngày 24/9/2024 là 315.931.507 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi bà M và ông L trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng, Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Trần Thị M trình bày:

Vào ngày 21/9/2020 bà Trần Thị M đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119 với Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V. Theo hợp đồng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V cho bà Trần Thị M vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 10,5%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà M nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà M và chồng bà M là ông Phạm Hoàng L đã tự nguyện giao cho Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) số E 0629096 có diện tích 26658² (loại đất: 1L, LnK. Hg/bthừa số 261, 270, 331, 338, 365 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ Phạm Văn A ngày 20/4/1996

Số tiền vay này bà M vay về để gia đình nuôi tôm, nên đây là nợ chung của vợ chồng bà M và ông L. Sau khi vay tiền thì do làm ăn thất bại, nên bà M và ông

L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, bà M thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, bà M thống nhất cùng với ông L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 315.931.507 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi bà M và ông L trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Nhưng do làm ăn thất bại nên bà M xin trả dần, khi nào bà M và ông L có tiền thì trả.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng L đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên ông L đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng N.

Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Phạm Hoàng L tham gia phiên họp hợp lệ, nhưng ông L vắng mặt không có lý do và ông L cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N kiện bị đơn bà Trần Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng L, cùng cư trú tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Phạm Hoàng L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập họp hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung hợp đồng tín dụng:

Vào ngày 21/9/2020 Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119 với bà Trần Thị M. Theo hợp đồng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V cho bà Trần Thị M vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 10,5%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà M nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng. Sau khi vay tiền

bà Trần Thị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, bà M chưa trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

[3] Bà Trần Thị M xác định số tiền 200.000.000 đồng vay của Ngân hàng N, mục đích để nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình, nên đây là nợ chung của bà M và ông Phạm Hoàng L.

[4] Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N thì Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119; bà M thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên, bà M thông nhất cùng với ông L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, ông L không có ý kiến phản đối, nên đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng N không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét về nội dung và hình thức của hợp đồng: bà Trần Thị M là người trực tiếp vay tiền và ký tên vào hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119, ngày 21/9/2020, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019 NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V đã giải ngân cho bà M nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, vì vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

[6] Xét về lỗi: bà M và ông L thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy bà M và ông L là bên có lỗi và đã vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[7] Về yêu cầu hoàn trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119, ngày 21/9/2020 của Ngân hàng N:

Xét thấy: bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L là bên vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay tài sản, Ngân hàng N yêu cầu bà M và ông L cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về yêu cầu hoàn trả số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119, ngày 21/9/2020 của Ngân hàng N:

Xét thấy: mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119, ngày 21/9/2020 phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi của bên vay tài sản, Ngân hàng N yêu cầu bà M và ông L cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả tiền lãi tính đến ngày 24/9/2024 là 115.931.507 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ

ngày 25/9/2024 cho đến khi bà M và ông L trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019 NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến của bà Trần Thị M xin trả dần số tiền vay gốc và lãi. Xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L cùng liên đới có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.796.575 đồng; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.699.794 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004885 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 24/9/2024 là 115.931.507 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 315.931.507 đồng (*ba trăm mười lăm triệu chín trăm ba mươi một ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*).

Kể từ ngày 25/9/2024 bà M và ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7606-LAV202001119, ngày 21/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà bà M và ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị M và ông Phạm Hoàng L cùng liên đới có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.796.575 đồng (*mười lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng*); Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.699.794 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004885 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo